TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/9/2020
V/v: Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Châu
2/ Bà Nguyễn Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: Ly hôn. Theo quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt anh H và chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được Uỷ ban nhân dân xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/1998. Sau khi cưới vợ

chồng sống hạnh phúc bình thường đến tháng 5/2001 thì chị H muốn đi Hà Nội làm ăn, nhưng anh không Đ ý, vợ chồng cải nhau nên anh đã tát chị H và chị H bỏ đi. Thời gian từ năm 2001 đến năm 2003 chị H thỉnh thoảng có về thăm con, tình cảm vợ chồng lạnh dần. Từ đầu năm 2004 đến nay chị H không về thăm con, anh đã tìm và động viên chị H quay về đoàn tụ nhưng không được, nay chị H đang làm ăn tại Hà Nội, chị H bỏ đi không có trách nhiệm đối với tôi và con. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và thời gian ly thân đã lâu nên anh H xin được ly hôn với chị H.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/6/1998 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 23/11/1999. Hiện nay hai cháu khỏe mạnh, đã đủ tuổi thành niên, có việc làm ổn định. Nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Toà án nhân dân huyện Hà Trung đã nhiều lần triệu tập H lệ chị Hoàng Thị H đến làm việc, chị H đã nhận văn bản và biết anh H xin ly hôn nhưng không đến làm việc. Nên không có ý kiến quan điểm của chị H về việc giải quyết vụ án.

* Toà án nhân dân huyện Hà Trung có làm việc với anh Hoàng Tấn A là anh anh trai của chị Hoàng Thị H. Anh Anh cho biết, anh H và chị H là vợ chồng, kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn. Anh H và chị H chung sống được đến năm 2004, nhiều lần khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành, chị H đi làm ăn từ năm 2004 đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị C, hiện nay hai cháu đã đủ tuổi thành niên, vợ chồng không có tài sản chung. Cô H có hộ khẩu tại thôn 2, xã Hoạt Giang cùng khẩu với gia đình anh. Cô H làm ăn tại Hà Nội, thường xuyên về nhà chơi vài ngày lại đi. Cô H biết anh H xin ly hôn nhưng do bận làm ăn nên không đến Tòa án làm việc mà để Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết.

* Toà án nhân dân huyện Hà Trung đã tiến hành xác minh tại xã Hoạt Giang, theo thông tin cung cấp thì được biết: Chị H và anh H là vợ chồng, cưới nhau xong, chị H về nhà anh H ở Bỉm Sơn sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, chị H về nhà mẹ đẻ ở và nhập khẩu tháng 8/2017, hiện chị H đi làm ăn, chị H cùng khẩu nhà anh trai là Hoàng Tấn A. Từ khi ly thân về địa phương sinh sống không thấy anh H chồng chị H qua lại gia đình. Chị H đi làm thường xuyên về nhà anh trai sinh sống rồi lại đi làm.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội Đ xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội Đ xét xử chấp nhận đơn của anh H, xử cho anh H được ly hôn

chị H; về con chung hiện nay hai cháu đã đủ tuổi thành niên nên không giải quyết. Anh H phải chịu tiền án phí DSST.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt không lý do; anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Hoàng Thị H không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt H lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 12/8/2020. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H và chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân H pháp. Theo anh H vợ chồng sau khi kết hôn chung sống đến tháng 5/2001 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H đòi đi làm ăn, anh không Đ ý và đã tát chị H nên chị H bỏ đi nhưng thỉnh thoảng cũng về. Từ đầu năm 2004 đến nay chị H không về và không quan tâm đến anh.

Đối với chị H, chị đã được Toà án triệu tập H lệ, chị cũng đã được nhận các văn bản tố tụng do Toà án giao nhưng chị không đến Toà làm việc. Đây thể hiện chị không còn tình cảm với anh H và bỏ mặc việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã làm việc anh Hoàng Tấn A là anh trai của chị Hoàng Thị H và UBND xã Hoạt Giang được biết chị H và anh H hiện tại không sống chung với nhau, chị H đã chuyển khẩu về địa phương từ năm 2017, vợ chồng sống ly thân đã lâu, các con đã trưởng thành.

Xét thấy, anh H thực sự không còn tình cảm với chị H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị H cũng không đến làm việc, bỏ mặc việc giải quyết vụ án chứng tỏ chị không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đến nay anh H vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh H đã thực sự không còn tình cảm với chị H, chị H không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng. Do

đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội Đ xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H và căn cứ Điều 56 Luật HN&GĐ xử cho anh H được ly hôn chị H là phù H.

[3] Về con: Theo anh H vợ chồng anh chị có 02 con chung, là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/6/1998 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 23/11/1999. Ly hôn anh H đề nghị do hai con đã đủ tuổi thành niên, có việc làm ổn định nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc đề nghị của anh là đúng pháp luật, nên Hội Đ xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội Đ xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị Bích phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ}.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

- Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị H.

- Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị H có 02 con chung, gồm cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/6/1998 và cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 23/11/1999. Hiện nay các cháu đều trưởng thành nên anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000^{đ} tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền số 0009135 ngày 05/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh H đã nộp đủ.

Trường H bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Quang Trung (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Ngọc Tuấn